TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 184/2023/DS - ST Ngày: 23-02-2023 V/v "Tranh chấp chia tài sản chung".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Nhanh

2. Ông Trần Ngọc Thực

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 về "Tranh chấp chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5865/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 20128/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: F C, Phường A, Quận H, TP ..

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1993. Địa chỉ: F N, Phường G, Quận E, TP . (có mặt).

Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Hợp đồng ủy quyền ngày 12 tháng 8 năm 2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Huỳnh Phi L – Luật sư Văn phòng L4 (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: 3 T, Phường A, Quận H, TP ..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: A B, Phường E, Quận H, TP ..

Người đại diện hợp pháp của ông T1: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1993. Địa chỉ: F N, Phường G, quận E, TP . (có mặt).

Là người đại diện theo ủy quyền của ông T1 (Hợp đồng ủy quyền ngày 08 tháng 10 năm 2019).

2. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1954, chết năm 2020.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Kim A1:

2.1. Ông Bùi Văn G, sinh năm 1956.

Địa chỉ: A T, phường T, quận T, TP ..

2.2. Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1972

Địa chỉ: F C, Phường A, Quận H, TP ..

2.3. Bà Bùi Thị Cẩm T3, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 3 hẻm A, đường K, khóm C, phường Đ, khu B, thành phố T, Đài Loan.

2.4. Ông Bùi Nguyễn Minh T4, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 4 khu phố T, V, T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của các ông bà Nguyễn Thị Thanh T2, Bùi Thị Cẩm T3 và Bùi Nguyễn Minh T4: Ông Bùi Văn G là người đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

3. Ông Lý Tài C, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 3 T, Phường A, Quận H, TP . (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm V có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Nguyên căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ: 3 T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của cha mẹ bà V là ông Nguyễn Văn L1 (Lang) và bà Nguyễn Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 00591/2004 do Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/01/2004. Giấy tờ của căn nhà trên do bà Nguyễn Thị Kim P đại diện thừa kế khai trình. Do ông Nguyễn Văn L1 (L2) và bà Nguyễn Thị N chết không để lại di chúc nên căn cứ theo quy định tại Điều 4 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 thì căn nhà và quyền sử dụng đất trên là di sản thừa

kế của ông L1 (L) và bà N. Vào năm 2004 các ông bà Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Kim A đã làm Trước bạ di sản đối với nhà đất do ông L1 và bà N để lại. Hiện tại, căn nhà và quyền sử dụng đất trên thuộc quyền sở hữu chung của 4 người do bà P đang trực tiếp sử dụng, quản lý căn nhà và không chịu phân chia khối tài sản chung nên bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung là căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ 3 T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Chứng thư thẩm định giá là 1.726.584.000 đồng) cho 04 người là: bà V, bà P, ông T1 và bà Kim A1. Do bà Kim A1 đã chết nên có đồng thừa kế của bà Kim A1 là ông G, bà Cẩm T3, ông Bùi Nguyễn Minh T4, bà Nguyễn Thị Thanh T2. Bà V yêu cầu được mua lại nhà đất tranh chấp và hoàn lại tiền cho các đồng thừa kế.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Căn nhà số C T, Phường A, Quận H, TP . là của ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 00591/2004 do Ủy ban nhân dân Quận H cấp ngày 14/01/2004. Giấy tờ căn nhà trên do bà P đại diện thừa kế của ông L1, bà N đứng tên. Gia đình gồm 04 anh chị em, gồm: Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Văn T1 và bà là Nguyễn Thị Kim P. Trong thời gian ở căn nhà trên, bà P có bỏ tiền ra sửa nhà 3 lần vào các năm 1990, 1998, 2015. Tổng tiền sửa chữa nhà là 500.000.000 đồng. Nay bà V khởi kiện yêu cầu chia thừa kế căn nhà trên thì bà P không đồng ý chia, khi nào có tiền mua nhà thì mới bán căn nhà trên để chia di sản thừa kế. Bà P không có ý kiến gì đối với kết quả thẩm định giá.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lý Tài C trình bày:

Ông C là chồng của bà Nguyễn Thị Kim P, ông không tranh chấp di sản thừa kế là căn nhà số C T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp Tòa án giải quyết chia thừa kế thì ông C yêu cầu các đồng thừa kế gồm bà V, ông G, ông T1 trả lại tiền sửa chữa nhà là 500.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này là do ông bỏ ra chứ bà P không biết gì. Do thời gian sửa chữa đã lâu nên ông không còn lưu giữ biên lai, chứng từ sửa chữa nhà nên không có để cung cấp cho Tòa. Ngày 17/8/2022, ông C có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu các đồng thừa kế: bà Cẩm V, ông T1, ông G hoàn trả lại cho ông số tiền sửa nhà.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn T1 có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Nguyên căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ: 3 T, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của cha mẹ bà V là ông Nguyễn Văn L1 (Lang) và bà Nguyễn Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 00591/2004 do Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/01/2004. Giấy tờ của căn nhà trên do bà Nguyễn Thị Kim P đại diện thừa kế khai trình. Căn nhà trên đã trước bạ di sản vào ngày 11/02/2004, trong đó thể hiện những người được thừa kế di sản của ông L1 (Lang) và bà N bao gồm: bà Nguyễn Thị Cẩm V, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Kim P, ông Nguyễn Văn T1.

Ông T1 đồng ý về hàng thừa kế và nguồn gốc căn nhà tranh chấp, ông T1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phân chia tài sản chung là căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ: 3 T, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh . Giá trị căn nhà và quyền sử dụng đất đang tranh chấp là số tiền 1.726.584.000 đồng. Yêu cầu chia cho 4 người là bà V, bà P, ông T1 và bà Kim A1 mỗi người được nhận 431.646.000 đồng. Ông T1 yêu cầu được nhận bằng tiền phần thừa kế của ông T1 trong căn nhà.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim A (đã chết ngày 23/10/2020) có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là ông Bùi Văn G (chồng) và các con Bùi Thị Cẩm T3, Bùi Nguyễn Minh T4, Nguyễn Thị Thanh T2 cùng ủy quyền cho ông G đại diện, ông G trình bày:

Ông là chồng của bà Kim A1, bà Kim A1 có tổng cộng 03 người con là Bùi Thị Cẩm T3, Bùi Nguyễn Minh T4, Nguyễn Thị Thanh T2. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên phần trình bày và các ý kiến của bà Kim A1 đã trình bày trước đây tại Tòa. Trong trường hợp tài sản được phân chia thừa kế thì ông yêu cầu được nhận tiền.

Đối với số tiền 500.000.000 đồng mà ông Lý Tài C và bà P yêu cầu các đồng thừa kế khác hoàn trả do đã chi trả cho việc sửa chữa nhà: bà V, ông T1, ông G không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Đối với yêu cầu trả lại tiền sửa chữa nhà 500.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Kim P và ông Lý Tài C, bà V không đồng ý. Bà P, ông C không có chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình. Hơn nữa, việc sửa chữa nhà có sự đóng góp của bà V, bà Kim A1.

Gia đình bà P đã được hưởng lợi khi sinh sống trong căn nhà này từ trước đến nay, trong khi các anh chị em khác đều khó khăn, phải đi thuê nhà ở; Yêu cầu bán nhà để chia thì bà P không đồng ý, kéo dài thời gian dẫn đến sự việc phải đưa ra Tòa giải quyết.

Trong trường hợp các đương sự và Tòa án chấp thuận, bà V đồng ý nhận nhà và hoàn lại tiền cho các đồng sở hữu khác ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Theo chứng thư Thẩm định giá ngày 25/7/2020 của Công ty Cổ phần Đ thì tổng giá trị tài sản làm tròn số là 1.726.584.000 đồng. Bà V đồng ý tính phần công sức bảo quản giữ gìn di sản cho bà P là 130.000.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền 130.000.000 đồng này, số tiền còn lại sẽ được chia đều cho 4 người là: Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thị Kim P mỗi người được chia nhận một phần bằng nhau.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ định giá tài sản, bà V tự nguyện chịu.

Đại diện theo ủy quyền của ông T1 trình bày: Ông Trọng thống nhất với trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của bà V, đồng ý trừ đi số tiền 130.000.000 đồng phần công sức bảo quản giữ gìn nhà cho bà P; Số tiền còn lại chia đều cho 4 người con là ông T1, bà V, bà Kim P, bà Kim A1 mỗi người được nhận một phần bằng nhau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu tranh luận: Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do H cấp ngày 14/01/2004 thì nguồn gốc nhà đất số C T, Phường A, Quận H thuộc sở hữu chung của cha mẹ bà V là ông L1, bà N. Ông L1 chết năm 1964, bà N chết năm 1988. Trước khi chết ông bà không để lại di chúc nên căn cứ theo quy định tại Điều 4 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 thì nhà đất trên là di sản thừa kế của ông L1 và bà N. Trong quá trình tố tụng tại Tòa, các đương sự không tranh chấp về hàng thừa kế. Hàng thừa kế thứ nhất của ông L1, bà N bao gồm: bà V, bà Kim A1 (những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Kim A1 là: ông G, bà T3, bà T2, ông T4), bà P và ông T1. Do đó, căn cứ điều 4, 5 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Tiểu mục 2.4 Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao xác định nhà đất trên là tài sản chung của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L1, bà N. Về số tiền sửa chữa nhà, ông C, bà P có yêu cầu nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tài sản chung

là nhà đất 350/55 Tùng Thiện V1 sau khi trừ đi phần công sức bảo quản cho bà P, số tiền còn lại được chia đều làm 4 phần bằng nhau cho các đồng sở hữu gồm: bà V, bà P, ông T1, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Kim A1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguồn gốc nhà, đất số C T, Phường A, Quận H. Thành phố Hồ Chí Minh: Căn cứ lời khai và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện nguồn gốc nhà, đất trên là của ông Nguyễn Văn L1 (L) và bà Nguyễn Thị N chết để lại. Nhà đất trên được Ủy ban nhân dân Quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 00591/2004 ngày 14/10/2004 và bà Nguyễn Thị Kim P là người đại diện thừa kế đứng tên trên Giấy chứng nhận.

Theo lời khai của các đương sự thể hiện, ông Nguyễn Văn L1 (Lang) (chết năm 1964) và bà Nguyễn Thị N (chết năm 1988) có 04 người con: bà Nguyễn Thị Cẩm V, bà Nguyễn Thị Kim A (chết năm 2020, có chồng là ông Bùi Văn G và các con là bà Bùi Thị Cẩm T3, ông Bùi Nguyễn Minh T4, bà Nguyễn Thị Thanh T2), bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Văn T1. Tại Tờ khai lệ phí trước bạ (dùng cho tài sản là nhà đất có di sản thừa kế), thể hiện những người thừa kế di sản của ông L1 (L), bà N là bà V, bà Kim A1, bà P và ông T1.

Ông L1 (Lang), bà N chết không để lại di chúc nên theo quy định tại Điều 25 Pháp lệnh về thừa kế năm 1990, hàng thừa kế thứ nhất của ông L1 (L5), bà N là 04 người con: bà V, bà Kim A1 (chết năm 2020, có người thừa kế là chồng và 03 người con), bà P và ông T1. Các con của của ông L1 (Lang), bà N không khước từ thừa kế nên theo khoản 1 Điều 35 Pháp lệnh về thừa kế 1990 *"trường hợp những người thừa kế theo pháp luật không thoả thuận được với nhau về phân chia di sản thì những người thừa kế cùng hàng được chia phần di sản ngang nhau"*. Do vậy, bà V, bà Kim A1 (chết năm 2020, có người thừa kế là chồng và 03 người con), bà P và ông T1 mỗi người được hưởng ¼ giá trị nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 3 T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo chứng thư thẩm định giá số 1200620/CT-TV của công ty cổ phần Đ, tổng giá trị nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 3 T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là 1.726.584.000đ (Một tỷ bảy trăm hai mươi sáu triệu năm trăm tám mươi tư nghìn đồng), do vậy mỗi người sẽ được hưởng ¼ giá trị di sản.

Tại phiên tòa các đương sự đồng ý thanh toán cho bà P phần công sức bảo quản, giữ gìn tài sản chung với số tiền 130.000.000 đồng. Như vậy mỗi người được hưởng ¼ giá trị nhà, đất sau khi trừ đi số tiền 130.000.000 đồng. Riêng bà P được cộng thêm phần công sức bảo quản, giữ gìn tài sản chung với số tiền 130.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Cẩm V có nguyện vọng được nhận hiện vật là căn nhà và thanh toán lại giá trị cho các đồng sở hữu nhưng do bà P vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên không lấy ý kiến của bà P về việc trên được. Do vậy việc chia tài sản chung (sau khi trừ đi phần công sức bảo quản, giữ gìn tài sản của bà P) sẽ được thi hành tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Về yêu cầu độc lập của người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Lý Tài C yêu cầu bà V, ông T1 và người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Kim A1 thanh toán giá trị xây dựng số tiền là 500.000.000 đồng: Ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Lý Tài C.

Từ nh74ng phân tích trên, Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm V. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Lý Tài C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất tọa lạc tại địa chỉ: 3 T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là tranh chấp dân sự về chia tài sản chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim A (đã chết năm 2020) nên chồng và các con của bà Kim A1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Kim A1, trong đó có bà Bùi Thị Cẩm T3 đang định cư tại nước ngoài. Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Kim P, ông Lý Tài C, ông Bùi Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Ngày 17/8/2022, ông C có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu các đồng thừa kế: bà Cẩm V, ông T1, ông G hoàn trả lại cho ông số tiền sửa nhà là 500.000.000 đồng. Tòa án đã thụ lý đơn yêu cầu độc lập của ông C. Tuy nhiên, ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của ông C về việc yêu cầu các đồng thừa kế: bà Cẩm V, ông T1, ông G hoàn trả lại cho ông C số tiền sửa nhà là 500.000.000 đồng.

[4] Về nội dung:

[4.1] Nguồn gốc nhà đất số C T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn L1 (L5) chết năm 1964 và bà Nguyễn Thị N (chết năm 1988) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 00591/2004 do H cấp ngày 14/01/2004 (do bà Nguyễn Thị Kim P đại diện thừa kế của ông L1, bà N khai trình). Hiện nay, nhà đất này do bà P và ông C (chồng bà P) đang quản lý, sử dụng. Do ông L1 (L2) bà N chết không để lại di chúc nên căn nhà và quyền sử dụng đất 3 T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông L1 (Lang) bà N căn cứ vào Điều 4 Pháp lệnh thừa kế năm 1990.

[4.2] Ông Nguyễn Văn L1 (L) và bà Nguyễn Thị N có 04 người con gồm: Nguyễn Thị Kim A , Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thị Kim P. Theo giấy khai sinh của bà V, bà Kim A1 thì tên cha là Nguyễn Văn L3, tên trên Giấy chứng nhận là Nguyễn Văn L1. Bà V xác nhận do sai sót trong quá trình đi làm giấy tờ nhà đất. Các đương sự thống nhất thừa nhận Nguyễn Văn L3 và Nguyễn Văn L1 là cùng một người.

Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của ông L1 (L5) bà N bao gồm: Nguyễn Thị Kim A , Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thị Kim P.

Do bà Kim A1 (đã chết năm 2020) nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Kim A1 là: ông Bùi Văn G, bà Bùi Thị Cẩm T3, bà Nguyễn Thị Thanh T2 và ông Bùi Nguyễn Minh T4.

[4.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có tranh chấp về hàng thừa kế. Căn cứ vào Điều 4, 5, 25 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Tiểu mục 2.4 Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định nhà đất số C T, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn L1 (L) và bà Nguyễn Thị N gồm: bà Nguyễn Thị Kim A , bà Nguyễn Thị Cẩm V, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kim P. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung là có căn cứ.

[4.4] Tại Bản tự khai ngày 26/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà P xác nhận nhà đất số C T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông Nguyễn Văn L3 và bà Nguyễn Thị N, thừa nhận gia đình bà gồm 04 anh chị em thừa kế di sản là Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim P và Nguyễn Văn T1. Bà P đồng ý phân chia di sản sau khi trả lại cho bà 500.000.000 đồng sửa nhà nhưng tại biên bản hòa giải ngày 17/8/2022 bà P lại không đồng ý phân chia, khi nào có tiền mua nhà thì mới phân chia di sản.

[4.5] Xét, như đã nhận định, nhà đất số C T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn L1 (L) và bà Nguyễn Thị N gồm: bà Nguyễn Thị Kim A , bà Nguyễn Thị Cẩm V, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kim P. Do đó, việc bị đơn trình bày không đồng ý phân chia di sản là không có căn cứ nên không chấp nhận lời trình bày của bị đơn. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, bà P trình bày có sửa chữa nhà 3 lần vào các năm 1990, 1998, 2015 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có việc sửa chữa nhà nên không có cơ sở xem xét lời trình bày của bà P.

Xét, quá trình giải quyết vụ án, các con của của ông L1 (Lang), bà N không khước từ thừa kế nên theo khoản 1 Điều 35 Pháp lệnh về thừa kế 1990 *"trường hợp những người thừa kế theo pháp luật không thoả thuận được với nhau về phân chia di sản thì những người thừa kế cùng hàng được chia phần di sản ngang nhau"*. Do vậy, bà V, bà Kim A1 (chết năm 2020, có người thừa kế là chồng và 03 người con), bà P và ông T1 mỗi người được hưởng ¼ giá trị nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 3 T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4.6] Theo Chứng thư thẩm định giá số 1200620/CT-TV ngày 25/7/2020 của Công ty CP Đ thì tổng giá trị tài sản chung làm tròn số là 1.726.584.000 đồng.

Tại phiên tòa, các đương sự đồng ý tính phần công sức bảo quản giữ gìn tài sản chung cho bà P với số tiền là 130.000.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền 130.000.000 đồng này cho bà P, số tiền còn lại sẽ được chia đều cho 4 người con của ông L1, bà N, mỗi người sẽ được nhận một phần bằng nhau. Xét, trình bày của đương sự là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4.7] Như vậy, xác định tổng giá trị di sản tạm tính là 1.726.584.000 đồng, trong đó xác định phần công sức bảo quản giữ gìn di sản cho bà P là 130.000.000 đồng . Sau khi trừ đi phần công sức cho bà P thì số tiền còn lại tạm tính là 1.596.584.000 đồng được chia đều làm 04 phần bằng nhau cho các thừa kế của ông L1, bà N gồm: bà V; ông T1; bà P; những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Kim A1 (ông G, bà T3, bà T2, ông T4), mỗi phần tạm tính là 399.146.000 đồng. Riêng bà P, do được tính thêm phần công sức bảo quản giữ gìn tài sản chung là 130.000.000 đồng nên phần bà P được nhận tạm tính là 529.146.000 đồng.

[4.8] Bà Nguyễn Thị Cẩm V có nguyện vọng được nhận hiện vật là căn nhà và thanh toán lại giá trị cho các đồng sở hữu nhưng do bà P không đến phiên tòa trình bày ý kiến của bà P về việc trên được. Do vậy việc chia tài sản chung (sau khi trừ đi phần công sức bảo quản, giữ gìn tài sản của bà P) sẽ được thi hành tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Giao cơ quan thi hành án đấu giá phát mãi tài sản chung, sau khi trừ đi phần công sức cho bà P và các chi phí khác theo quy định, số tiền còn lại sẽ được chia đều làm 4 phần cho các đồng sở hữu. Mỗi đồng sở hữu: bà V, ông T1, bà P, bà Kim A1 (có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là ông G, bà T3, bà T2, ông T4) được nhận một phần bằng nhau.

[5] Từ những phân tích trên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời chấp nhận trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đình chỉ yêu cầu độc lập của ông C. Ý kiến và đề nghị trên của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà V, ông T1, ông C là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí,thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Bà P phải chịu án phí đối với phần được chia 399.146.000 đồng, án phí là 19.957.300 đồng;

Các ông bà G, T3, T2, T4 mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần được chia 399.146.000 đồng , án phí là 19.957.300 đồng/4, mỗi người phải chịu án phí 4.989.325 đồng. Trong đó, ông G là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí,thuộc trường hợp được miễn án phí nên ông G không phải chịu án phí sơ thẩm.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá, chi phí tố tụng khác nguyên đơn tự nguyện chịu nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 37, 217, 227, 228, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 631, 674, 676 Bộ luật dân sự năm 2005, Nghị quyết 02/2004 NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016; Luật Thi hành án Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm V.

Xác định nhà, đất số C T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 00591/2004 do H cấp ngày 14/01/2004 (do bà Nguyễn Thị Kim P đại diện thừa kế của ông L1, bà N khai trình) là tài sản chung của bà Nguyễn Thị Cẩm V, bà Nguyễn Thị Kim P, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Kim A (đã chết năm 2020, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: ông Bùi Văn G, bà Bùi Thị Cẩm T3, bà Nguyễn Thị Thanh T2, ông Bùi Nguyễn Minh T4).

2. Xác định phần công sức bảo quản giữ gìn tài sản chung cho bà Nguyễn Thị Kim P là 130.000.000 đồng.

3. Xác định số tiền tạm tính để chia là 1.596.584.000 đồng được chia đều làm 04 phần bằng nhau cho các đồng sở hữu, gồm bà Nguyễn Thị Cẩm V; ông Nguyễn Văn T1; bà Nguyễn Thị Kim P; bà Nguyễn Thị Kim A (đã chết năm 2020 có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là: ông Bùi Văn G, bà Bùi Thị Cẩm T3, bà Nguyễn Thị Thanh T2, ông Bùi Nguyễn Minh T4), mỗi phần tạm tính là 399.146.000 đồng.

Riêng phần của bà Nguyễn Thị Kim P được chia nhận là 529.146.000 đồng (trong đó có phần công sức bảo quản giữ gìn tài sản chung là 130.000.000 đồng).

4. Giao cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện việc đấu giá phát mãi nhà đất số C T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi trừ đi phần công sức cho bà P và các chi phí khác theo quy định, số tiền còn lại sẽ được chia đều làm 04 phần bằng nhau cho bà Nguyễn Thị Cẩm V, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Kim A (đã chết năm 2020, có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là ông Bùi Văn G, bà Bùi Thị Cẩm T3, bà Nguyễn Thị Thanh T2, ông Bùi Nguyễn Minh T4).

5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của ông Lý Tài C về việc yêu cầu các đồng thừa kế: bà Cẩm V, ông T1, ông G hoàn trả lại cho ông C số tiền sửa nhà 500.000.000 đồng.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Cẩm V, ông Nguyễn Văn T1, ông Lý Tài C, ông Bùi Văn G thuộc trường hợp được miễn án phí;

Bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu 19.957.300 đồng án phí sơ thẩm;

Các ông bà Bùi Thị Cẩm T3, Nguyễn Thị Thanh T2, Bùi Nguyễn Minh T4 mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm là 4.989.325 đồng.

7. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá, chi phí tố tụng khác nguyên đơn tự nguyện chịu nên không xét.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 , 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thự hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Kim Thương